

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG HỌC
PHỔ THÔNG HÙNG VƯƠNG

DANH SÁCH
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2026 - 2027

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-HV/ ngày 01/7/2026 của Trường Trung học phổ thông Hùng Vương)

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
1	HS1018127762	Áu Thị Quỳnh Như	PTDTNT THCS Krông Ana	Tuyển thẳng
2	HS1018127755	Bế Đình Loan	PTDTNT THCS Krông Ana	Tuyển thẳng
3	HS1015425815	Lục Thị Ngọc Diễm	PTDTNT THCS Krông Ana	Tuyển thẳng
4	HS1018127778	H' Uyên Bkrông	PTDTNT THCS Krông Ana	Tuyển thẳng
5	HS1018127758	H' Mi Zin Niê Siêng	PTDTNT THCS Krông Ana	Tuyển thẳng
6	HS1018127750	Quan Thị Mỹ Hạnh	PTDTNT THCS Krông Ana	Tuyển thẳng
7	HS1018127773	H Thuin Byă	PTDTNT THCS Krông Ana	Tuyển thẳng
8	HS1018127761	Hoàng Minh Nguyệt Êñuôl	PTDTNT THCS Krông Ana	Tuyển thẳng
9	HS1018127777	H' Tươi Niê	PTDTNT THCS Krông Ana	Tuyển thẳng
10	HS1018127769	H Sian Êcăm	PTDTNT THCS Krông Ana	Tuyển thẳng
11	HS1018127752	H Jen Ny Êñuôl	PTDTNT THCS Krông Ana	Tuyển thẳng
12	HS1018127765	Y Phong Srưk	PTDTNT THCS Krông Ana	Tuyển thẳng
13	HS1018127763	H Niam Khang	PTDTNT THCS Krông Ana	Tuyển thẳng
14	HS1018127753	Êban Nguyễn Gia Khánh	PTDTNT THCS Krông Ana	Tuyển thẳng
15	HS1013588155	Dương Thị Lệ Huyền	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
16	HS1013798869	Vũ Quang Minh	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
17	HS1013588181	Trần Đình Duy	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
18	HS1013798768	Hồ Trần Linh Đan	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
19	HS1013798884	Lãnh Mạc Linh San	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
20	HS1013798801	Hà Thanh Trúc	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
21	HS1013798864	H' La Vy Knul	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
22	HS1015425803	Đỗ Thị Yến Vy	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1
23	HS1015517215	Nguyễn Thị Minh Thư	Trường THCS Lê Văn Tám	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
24	HS1013798881	Cao Hoàng Phát	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
25	HS1013798853	Văn Nguyễn Thành An	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
26	HS1013798843	Văn Thị Mỹ Tuyền	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
27	HS1013588168	Trịnh Gia Phúc	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
28	HS1013588150	Lê Thị Huyền Diệu	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
29	HS1013588165	Nguyễn Thị Phương Nhi	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
30	HS1013588243	Tổng Trần Tuấn Vũ	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
31	HS1015517133	Lê Thị Phương Thanh	Trường THCS Lê Văn Tám	Đỗ NV1
32	HS1013588172	Nguyễn Lê Hồng Thor	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
33	HS1013588248	Đặng Mai Duyên	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
34	HS1015517171	Trần Nhật Lâm Giang	Trường THCS Lê Văn Tám	Đỗ NV1
35	HS1013588164	Hồ Thảo Nhi	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
36	HS1013798862	Hoàng Thị Mỹ Duyên	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
37	HS1013798852	Nguyễn Ngọc Bảo An	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
38	HS1013798787	Lại Yến Như	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
39	HS1013798873	Nguyễn Kim Ngân	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
40	HS1013798882	Văn Nguyễn Đức Phong	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
41	HS1013798837	Nguyễn Hoàng Quân	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
42	HS1013588153	Lê Thu Hà	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
43	HS1015436340	Nguyễn Phan Trí Anh	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1
44	HS1013798764	Trần Tiến Anh	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
45	HS1013798846	Trần Khánh Vy	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
46	HS1013798861	Hồ Nguyễn Viết Duy	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
47	HS1013798866	Phạm Hà Linh	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
48	HS1013798831	Nguyễn Đào Thảo Linh	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
49	HS1013821077	Lê Đông Mỹ	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
50	HS1013588158	Đặng Thị Khánh Linh	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
51	HS1015487439	Võ Thị Ánh Nhi	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
52	HS1013798855	Đỗ Huy Gia Bảo	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
53	HS1013798888	Hồ Võ Bảo Trân	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
54	HS1013798877	Nguyễn Đình Thảo Nguyên	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
55	HS1013798782	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
56	HS1013798786	Ngũ Nguyễn Đan Nhi	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
57	HS1013798682	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
58	HS1013798835	Phạm Vũ Khánh Ngân	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
59	HS1013798876	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
60	HS1013798889	Trần Minh Trí	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
61	HS1013798799	Ngô Hoàng Thùy Tiên	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
62	HS1013798776	Phạm Thị Thảo Huyền	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
63	HS1013798849	Văn Tiểu Yến	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
64	HS1013798825	Nguyễn Xuân Phước	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
65	HS1013821047	Trịnh Thiều Thùy Hân	Trường THCS Lê Đình Chinh	Đỗ NV1
66	HS1013798785	Đình Thị Nhi	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
67	HS1013798878	Trần Đăng Khôi Nguyên	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
68	HS1013798867	Trần Thị Khánh Linh	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
69	HS1013821125	Phan Ngọc Khánh Thy	Trường THCS Lê Đình Chinh	Đỗ NV1
70	HS1013798854	Nguyễn Vân Anh	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
71	HS1013798817	Vũ Đặng Khánh Duy	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
72	HS1017152115	Trần Hải Gia Hân	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
73	HS1013798762	Bùi Trâm Anh	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
74	HS1013798841	Hoàng Bảo Trâm	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
75	HS1013798879	Văn Nguyễn Thảo Nguyên	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
76	HS1013798886	Đặng Trương Thị Anh Thơ	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
77	HS1013798871	Huỳnh Phương Nga	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
78	HS1013798828	Trần Gia Huy	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
79	HS1013798833	Nguyễn Quang Minh	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
80	HS1013798860	Đình Khánh Duy	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
81	HS1013798859	Nguyễn Trần Thực Dương	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
82	HS1015436308	Vũ Huy Hoàng	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1
83	HS1023752507	Trần Diệu Châu	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
84	HS1013588258	Đình Thị Yến Nhi	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
85	HS1013588169	Đình Trí Hoàng Phúc	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
86	HS1013588167	Trần Lê Tuấn Phong	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
87	HS1013798857	Trần Công Doanh	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
88	HS1015425797	Bùi Lâm Bảo Thi	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1
89	HS1013798885	Lê Thị Phương Thảo	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
90	HS1013798635	Bùi Ngọc Thảo Vy	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
91	HS1013798839	Phan Minh Thư	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
92	HS1013798766	Bùi Thị Khánh Chi	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
93	HS1013798738	Nguyễn Đàm Nhật Huy	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
94	HS1013798823	Nguyễn Hữu Hiếu	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
95	HS1013798820	Nguyễn Thị Ngọc Hân	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
96	HS1013798797	Nguyễn Minh Thư	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
97	HS1013798840	Văn Thị Anh Thư	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
98	HS1013798816	Phạm Ngọc Dũng	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
99	HS1013798838	Nguyễn Hoàng Minh Thư	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
100	HS1013798803	Đặng Nguyễn Bảo Uyên	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
101	HS1015436346	Lê Phan Bảo Châu	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
102	HS1013798883	Nguyễn Hoàng Mai Phương	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
103	HS1013798707	Trần Nguyễn Như Quỳnh	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
104	HS1013588190	Nguyễn Gia Lộc	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
105	HS1013588144	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
106	HS1013798791	Nguyễn Trung Phúc	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
107	HS1013798847	Trần Mạnh Vỹ	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
108	HS1013588171	Phạm Quang Thiện	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
109	HS1013798818	Đỗ Thị Nguyên Giang	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
110	HS1013798769	Phạm Cao Công Danh	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
111	HS1015425854	Lý Khải Đạt	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1
112	HS1013798830	Nguyễn Ngọc Minh Khuê	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
113	HS1013821078	Trần Thị Tố Nga	Trường THCS Lê Đình Chinh	Đỗ NV1
114	HS1013798827	Trần Gia Huy	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
115	HS1015487415	Đỗ Lê Ngọc Trang	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
116	HS1015487422	Nguyễn Lương Đăng Khoa	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
117	HS1013588163	Nguyễn Võ Nguyên Ngọc	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
118	HS1013588154	Phạm Gia Huy	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
119	HS1013588175	Vũ Hoài Ánh	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
120	HS1013798765	Nguyễn Ngọc Ánh	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
121	HS1013798821	Đỗ Trung Hiếu	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
122	HS1013588242	Nguyễn Thị Thảo Vân	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
123	HS1013798813	Lê Tấn Danh	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
124	HS1013588173	Trần Đắc Trí	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
125	HS1015425833	Ngô Hoàng Phúc	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1
126	HS1013798580	Đào Nguyễn Ánh Nguyệt	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
127	HS1013798789	Nguyễn Trần Văn Phát	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
128	HS1013798770	Nguyễn Hoàng Hương Giang	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
129	HS1015487558	H' Dhar Niê	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
130	HS1013798761	Võ Thị Hoàng Yến	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
131	HS1013798807	Hoàng Châu Anh	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
132	HS1013798812	Trịnh Gia Bảo	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
133	HS1013798665	Trần Thị Quỳnh Nga	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
134	HS1015487411	Cao Quỳnh Bảo Như	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
135	HS1015487419	Hà Trung Kiên	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
136	HS1015436359	Phạm Huỳnh Đạt	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1
137	HS1015487426	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
138	HS1013798681	Nguyễn Phương Thúy	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
139	HS1013588151	Đình Lê Khánh Duy	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
140	HS1013588162	Trần Bình Nam	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
141	HS1013798721	Hà Ngô Tuấn Ý	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
142	HS1013588156	Bùi Phạm Thụy Khuê	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
143	HS1013588231	Thân Tuấn Phát	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
144	HS1013588148	Nguyễn Hoàng Kim Chi	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
145	HS1013798822	Hồ Minh Hiếu	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
146	HS1015425893	Vì Thị Xuân Mẫn	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1
147	HS1013798562	Hoàng Nguyên Nhã Đan	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
148	HS1023475873	Lương Nguyễn Ngọc Dung	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
149	HS1015487446	H' Kơ Ria Hmők	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
150	HS1013821022	Võ Quỳnh Anh	Trường THCS Lê Đình Chinh	Đỗ NV1
151	HS1015487449	Vũ Trần Nhật Uyên	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
152	HS1015425832	Y Mikili Niê	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1
153	HS1023752504	Trần Nguyễn Ngọc Hân	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
154	HS1013798638	Phạm Thị Thanh Xuân	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
155	HS1017314849	Nguyễn Hoàng Quỳnh Như	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
156	HS1013798599	Đàm Thị Nhã Vy	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
157	HS1013798783	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
158	HS1013798656	Nguyễn Văn Trung Hiếu	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
159	HS1015487455	H' Mơ Niê	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
160	HS1013798732	Bùi Băng Di	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
161	HS1015487436	Trần Hải Yến	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
162	HSH26669001864	H Trâm Kbin	Trường TH &THCS Nguyễn Viết Xuân	Đỗ NV1
163	HS1015487560	Nguyễn Phạm Gia Huy	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
164	HS1013798891	Phùng Trần Hà Vy	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
165	HS1013798700	Trần Thanh Bảo Nam	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
166	HS1013588262	Phạm Đình Bảo Sơn	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
167	HS1013588191	Nguyễn Thị Kim Ngân	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
168	HS1013588145	Nguyễn Vũ Gia Bảo	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
169	HS1013588159	Nguyễn Thị Khánh Linh	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
170	HS1013588149	Đỗ Anh Chung	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
171	HS1013588306	Phạm Nguyễn Hồng Vân	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
172	HS1013588160	Nguyễn Công Thành Lộc	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
173	HS1015517175	Nguyễn Thị Mật	Trường THCS Lê Văn Tám	Đỗ NV1
174	HS1013798795	Phan Đức Anh Tài	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
175	HS1013588146	Nguyễn Văn Gia Bảo	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
176	HS1013588199	Nguyễn Vô Hương Trà	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
177	HS1013588285	Nguyễn Duy Hoàng	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
178	HS1013798566	Bùi Minh Hiền	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
179	HS1013798623	Hồ Công Nhật	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
180	HS1013798608	Nguyễn Ngọc Dương	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
181	HS1013588170	Nguyễn Minh Quân	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
182	HS1015436311	Nguyễn Khắc Minh Hoàng	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1
183	HS1013798725	Đỗ Thị Khánh Băng	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
184	HS1013798802	Nguyễn Gia Tường	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
185	HS1013798724	Nguyễn Thị Lan Anh	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
186	HS1013798790	Đặng Hoàng Phi	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
187	HS1013798814	Hồ Tiến Đạt	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
188	HS1013798746	Trần Thị Bảo Ngọc	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
189	HS1014984811	Huỳnh Phương Thảo	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
190	HS1013798715	Trương Gia Bảo Trâm	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
191	HS1013798759	Trần Gia Uy	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
192	HS1013798639	Nguyễn Thị Bảo Yến	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
193	HS1023752505	Nguyễn Hạnh Quỳnh Như	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
194	HS1013588280	Trần Quốc Bảo	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
195	HS1013798705	Huỳnh Thị Như Quỳnh	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
196	HS1013798826	Lê Đạt Hưng	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
197	HS1013798719	Trần Thị Tường Vi	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
198	HS1013798779	Trần Hoàng Tuấn Khôi	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
199	HS1013798747	Lê Thảo Nguyên	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
200	HS1015425796	Bùi Gia Hân	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1
201	HS1013798824	Đình Hoàng Sinh Hùng	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
202	HS1013798718	Lê Phương Uyên	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
203	HS1013798651	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
204	HS1014847692	Mai Trúc Linh	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
205	HS1015517217	Nguyễn Phương Trâm	Trường THCS Lê Văn Tám	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
206	HS1015487448	Ôn Thị Kim Duyên	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
207	HS1015425826	Nguyễn Thị Thu Hiền	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1
208	HS1015425802	Đỗ Thị Bích Phương	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1
209	HS1015487463	Nguyễn Thị Thùy Tiên	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
210	HS1015487430	Nguyễn Thị Phương Linh	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
211	HS1015487429	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
212	HS1015487559	Đỗ Lam Anh	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
213	HS1015487423	Nguyễn Mạnh Huy	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
214	HS1015487425	Nguyễn Ngọc Như	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
215	HS1015487410	Bùi Gia Nam	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
216	HS1013798751	Nguyễn Trung Quân	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
217	HS1015487440	Nguyễn Thành Đạt	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
218	HS1015487414	Dương Thị Mỹ Duyên	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
219	HS1015436341	Lê Nguyễn Nhật Huy	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1
220	HS1015487431	Nguyễn Thị Yến Nhi	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
221	HS1015436338	Phạm Thị Hồng	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1
222	HS1015436310	Chu Thị Quỳnh Hương	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1
223	HS1015487529	Nguyễn Hồ Kim Ngân	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
224	HS1013798767	Đặng Quốc Chu	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
225	HS1015487438	Trịnh Dáng My	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
226	HS1015517200	Đình Quốc Nam	Trường THCS Lê Văn Tám	Đỗ NV1
227	HS1013588222	Dương Thị Thảo Lành	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
228	HS1013798887	Hà Khắc Tồn	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
229	HS1013798794	Mai Xuân Sang	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
230	HS1013798713	Mô Thị Hoài Thương	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
231	HS1015436312	Trịnh Văn Quý	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
232	HS1015517124	Nguyễn Văn Nguyên	Trường THCS Lê Văn Tám	Đỗ NV1
233	HS1013821033	Huỳnh Đạt	Trường THCS Lê Đình Chinh	Đỗ NV1
234	HS1013798687	Hoàng Bình	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
235	HS1013588194	Bùi Vũ Phương Nhi	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
236	HS1020009931	Ngô Lê Thành Nhân	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
237	HS1015487447	Ôn Hoàng Quế Chi	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
238	HS1013798772	Hồ Văn Hoàng	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
239	HS1013798804	Huỳnh Trần Anh Vũ	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
240	HS1015436347	Đình Thị Thúy Nga	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1
241	HS1013588274	Trịnh Thanh Trúc	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
242	HS1013588196	Vũ Bảo Phú	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
243	HS1013798579	Nguyễn Mai Thảo	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
244	HS1013798754	Ngô Thị Bảo Thi	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
245	HS1015436319	Lê Thị Kim Anh	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1
246	HSH26669001866	Trần Ngọc Tuyết Nhi	Trường TH &THCS Nguyễn Viết Xuân	Đỗ NV1
247	HS1015487433	Trà My	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
248	HS1013588203	H' Yô Na Byă	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
249	HS1013588233	H' - Riêl Êñuôl	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
250	HS1013798743	Hà Thị Thanh Na	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
251	HS1013588255	H' Nun Êban	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
252	HS1013798640	Trần Bảo Ân	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
253	HS1015487418	H' Uôn Knul	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
254	HS1015487565	Tô Thị Anh Thư	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
255	HS1013798699	Nguyễn Đình Phi Líp	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
256	HS1013588281	Nguyễn Gia Bảo	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
257	HS1013798758	Nguyễn Lê Bảo Trân	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
258	HS1015487471	Phan Lê Linh Uyên	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
259	HS1015487442	Phạm Bảo Huy	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
260	HS1015487586	Trịnh Trần Tường Vy	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
261	HS1015487444	Nguyễn Huỳnh Thanh Ngân	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
262	HS1013798806	Hoàng Lê Thanh An	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
263	HS1013798628	Nguyễn Mạnh Tiến	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
264	HS1015487453	Phạm Bảo Nam	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
265	HS1013588223	Nguyễn Thị Phương Nghi	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
266	HS1015487427	Nguyễn Phương Chi	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
267	HS1015487485	Lương Tiến Ngọc	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
268	HS1013798714	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
269	HS1015487585	Nguyễn Thị Kiều Thu	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
270	HS1013798711	Nguyễn Quốc Thiện	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
271	HS1015487445	Y Thom Bkrông	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
272	HS1015487477	H'xuan Niê	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
273	HS1013588239	Y -thom Byă	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
274	HS1015487595	H' Gôl Hđôk	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
275	HS1013798663	Đỗ Đăng Minh	TrườngTHCS Buôn Tráp	Đỗ NV1
276	HS1015487472	H' Roen Hmôk	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
277	HS1015487417	H' Row Sia Knul	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
278	HS1015487473	H' San Ra Bkrông	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
279	HSH26669001865	Nguyễn Sỹ Phong	THCS Huỳnh Văn Nghệ	Đỗ NV1
280	HS1013588293	Trần Văn Minh	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
281	HS1018127754	H' Lê Ra Hmôk	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
282	HS1015487479	H' Kim Hmôk	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
283	HS1013588252	Trần Viết Đăng Khoa	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
284	HS1015487476	H'lan Mlô	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
285	HS1013588195	H - Nhĩ Êñuôl	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
286	HS1015487509	H' Tuyên Niê	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
287	HS1015487478	H' Nưm Knul	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
288	HS1015487501	Y Chính Knul	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
289	HS1015487590	H' Ra Čel Knul	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
290	HS1015487568	H' Dum Niê	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
291	HS1013588166	H Nhoa Êñuôl	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
292	HS1015487468	H' Miêng Hmök	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
293	HS1015487513	H' Yỡng Byă	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
294	HS1015487523	Y- Kươm Bkrông	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
295	HS1015487495	H' Điea H Mök	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
296	HS1013798586	H' Za Hân Niê	TrườngTHCS Buôn Trấp	Đỗ NV1
297	HS1013588302	Y Thiệp Êñuôl	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
298	HS1013588277	H - Yia Êñuôl	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đỗ NV1
299	HS1015487524	Y Mâu Niê	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
300	HS1015487512	H' Yoach Bkrông	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
301	HS1015487508	H' Son Ni Hđơk	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
302	HS1015487482	H' Nhôm Knul	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
303	HS1015487504	H' Čè Knul	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
304	HS1015487511	H' Wia Knul	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
305	HS1015425901	Y Ler Hdruế	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1
306	HS1015487461	Y Nghĩa Niê	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1
307	HS1015425907	Y' Yôn Hmök	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	Đỗ NV1
308	HS1015487531	H' Ich Byă	Trung Học Cơ Sở Tô Hiệu	Đỗ NV1

Danh sách này có 308 học sinh./.